TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 15 - 7 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thức.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thanh Yên.
2. Bà Phan Thị Hải Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Dĩ Khang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á (còn gọi A).
Địa chỉ: Số D N, phường E, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành N - chức vụ: Nhân viên xử lý nợ; theo giấy ủy quyền số 1969/UQ-QLN.24 ngày 25/10/2024 *(có mặt)*.

Bị đơn:
1. Ông Đặng Kim S - sinh năm 1989;
2. Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1990;
Cùng trú tại: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa (trước đây Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận) *(vắng mặt)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vợ chồng ông Đặng L - sinh năm 1950, bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1957; cùng trú tại: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa (trước đây Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận) *(yêu cầu vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2024, các lời khai thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á (viết tắt: Ngân hàng A) do ông Nguyễn Thành N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 04/5/2022 vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B ký kết Hợp đồng tín dụng số PHR.CN.4210.040522 vay vốn tại Ngân hàng A - chi nhánh tỉnh N số tiền 500.000.000đ, mục đích mua dụng cụ kinh doanh hải sản. Các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng gồm: Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn được tính trong Khế ước nhận nợ, cụ thể:

- Từ ngày 05/5/2022 đến ngày 04/5/2023: Số tiền 80.000.000đ chuyển vào tài khoản của ông Đặng Kim S số 717957 tại Ngân hàng A, lãi suất trong hạn 11.50%, cố định trong thời hạn 3 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 4,45%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

- Từ ngày 16/6/2022 đến ngày 15/6/2023: Số tiền 350.000.000đ chuyển vào tài khoản của ông Đặng Kim S số 717957 tại Ngân hàng A, lãi suất trong hạn 11.65%, cố định trong thời hạn 3 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 4,60%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

- Từ ngày 19/11/2022 đến ngày 18/11/2023: Số tiền 70.000.000đ chuyển vào tài khoản của ông Đặng Kim S số 29934247 tại Ngân hàng A, lãi suất trong hạn 12,45%, cố định trong thời hạn 3 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3,95%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Để bảo đảm cho số tiền vay trên, vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B ký kết Hợp đồng thế chấp số PHR.BĐCN.151.130618 ngày 13/6/2018, bổ sung, sửa đổi số PHR.BĐCN.151.130618/SĐBS-01 ngày 11/12/2019, bổ sung, sửa đổi số PHR.BĐCN.151.130618/SĐBS-02 ngày 04/5/2022 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 13/6/2018, thế chấp thửa đất số 526 tờ bản đồ địa chính số 28c tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa), đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN372912 ngày 07/02/2013 và tài sản trên đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đặng Kim S và bà Nguyễn Thị B vi phạm nghĩa vụ với Ngân hàng A, do đó căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về

việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì ngày 05/5/2023 và ngày 10/10/2023, Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khế ước nhận nợ số 379013299. Tính đến thời điểm xét xử (ngày 15/7/2025), vợ chồng ông S, bà B còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 500.000.000đ, nợ lãi trong hạn 30.044.425đ; nợ lãi quá hạn 214.448.445đ, tiền phạt chậm trả lãi là 20.812.810đ; tổng cộng các khoản 765.305.680đ. Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông S, bà B phải có nghĩa vụ trả số tiền trên và các khoản lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ sau khi xét xử vụ án đến khi trả nợ xong. Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để bảo đảm thi hành án; nếu vợ chồng ông S, bà B không thực hiện việc trả nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn: Vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và không có văn bản nêu ý kiến phản hồi.

Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - vợ chồng ông Đặng L, bà Nguyễn Thị D trình bày: Thửa đất số 526 tờ bản đồ địa chính số 28c tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa), đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN372912 ngày 07/02/2013 có nhà gắn liền là của vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, quá trình vợ chồng S, B làm ăn nhờ ông bà thế chấp ngân hàng để vay tiền thì ông bà chuyển nhượng hẳn cho vợ chồng S, Bé đứng tên nên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng S, B. Hiện vợ chồng S, B thế chấp ngân hàng vay tiền chưa trả được bị ngân hàng khởi kiện; mặc dù ông bà đang ở trong căn nhà và đất này nhưng ông bà cũng chấp nhận trả lại cho vợ chồng S, Bé để thi hành án trả nợ cho ngân hàng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo ngân hàng yêu cầu, gồm: Nợ gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn 30.044.425đ, lãi quá hạn 214.448.445đ và tiền phạt chậm trả lãi là 20.812.810đ; tổng cộng các khoản **765.305.680đ**. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số PHR.BĐCB.151.130618 ngày 13/6/2018 được sửa đổi, bổ sung số PHR.BĐCB.151.130618-1 ngày 11/12/2011 và số PHR. BĐCB. 151. 130618-2 ngày 04/5/2022 mà vợ chồng ông S, bà B đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần

Á. Vợ chồng ông S, bà B phải chịu chi phí thẩm định và án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2025, ông Đặng L và bà Nguyễn Thị D yêu cầu xét xử vắng mặt; vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á khởi kiện đòi vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B cùng trú tại xã C, tỉnh Khánh Hòa trả các khoản vay có thế chấp theo hợp đồng tín dụng; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Khánh Hòa.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số PHR.CN.4210.040522 ngày 04/5/2022, Hợp đồng thế chấp số PHR.BĐCN.151.130618 ngày 13/6/2018 được bổ sung, sửa đổi số PHR.BCN.151.130618/SĐBS-01 ngày 11/12/2019 và bổ sung, sửa đổi số PHR.BCN.151.130618/SĐBS-02 ngày 04/5/2022, Cam kết thế chấp tài sản ngày 13/6/2018, thế chấp thửa đất số 526 tờ bản đồ địa chính số 28c tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa*)*, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN372912 ngày 07/02/2013 và tài sản trên đất, Ngân hàng Á khởi kiện đòi vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B trả các khoản tiền còn nợ gồm: Nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm, giải quyết hợp đồng thế chấp. Qua xem xét các chứng cứ trên và biên bản làm việc với vợ chồng ông Đặng L, bà Nguyễn Thị D (cha mẹ ông S), thấy rằng: Việc vợ chồng ông S, bà B ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn, ký kết hợp đồng thế chấp tài sản tại Ngân hàng Á hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đúng quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông S, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng có Thông báo thu hồi nợ trước thời hạn, thực hiện chuyển sang nợ quá hạn, phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số PHR.CN.4210.040522 và Điều 6, Điều 7 Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung ngày 04/5/2022

mà các bên đã ký kết là phù hợp pháp luật nên vợ chồng ông S, bà B phải chịu trách nhiệm về lỗi vi phạm của mình.

[3.2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông S, bà B theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại địa chỉ cư trú của vợ chồng ông S, bà B; các văn bản đều thể hiện nội dung Ngân hàng Thương mại cổ phần Á yêu cầu nhưng vợ chồng ông S, bà B từ chối nhận văn bản, không có ý kiến hay phản đối là từ bỏ quyền phản bác của mình. Căn cứ điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự khẳng định tài liệu phía ngân hàng cung cấp là chứng cứ có thật được chấp nhận.

[3.3]. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á yêu cầu vợ chồng ông S, bà B trả các khoản tiền nợ gốc, lãi và phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử (15/7/2025), gồm: Nợ gốc 500.000.000đ, nợ lãi trong hạn 30.044.425đ; nợ lãi quá hạn 214.448.445đ, phạt chậm trả lãi là 20.812.810đ; tổng cộng các khoản **765.305.680đ** và các khoản lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày 15/7/2025 đến khi trả nợ xong là phù hợp quy định tại Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2029/NQ-HĐTP ngày 13/01/2029 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối cao nên chấp nhận.

[3.4]. Đối với yêu cầu giải quyết tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền đất để bảo đảm thi hành án, Hội đồng xét xử thấy: Việc các bên ký kết hợp đồng thế chấp số PHR.BĐCN.151.130618 ngày 13/6/2018 được bổ sung, sửa đổi số PHR.BĐCN.151.130618/SĐBS-01 ngày 11/12/2019 và bổ sung, sửa đổi số PHR.BĐCN.151.130618/SĐBS-02 ngày 04/5/2022 cũng như Cam kết thế chấp tài sản ngày 13/6/2018, thế chấp thửa đất số 526 tờ bản đồ địa chính số 28c và tài sản trên đất, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN372912 ngày 07/02/2013 đứng tên ông Đặng L (cha ông S), cập nhật chỉnh lý cho ông Đặng Kim S đứng tên. Tại biên bản làm việc ngày 24/4/2025, vợ chồng ông L, bà D xác định đã chuyển nhượng cho ông S nên việc ông S, bà B thế chấp để vay vốn là đúng theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3.5]. Vợ chồng ông Đặng L, bà Nguyễn Thị D hiện đang lưu trú tại nhà đất đã thế chấp trên, ông L, bà D thống nhất giao trả lại cho ông S, bà B để thi hành án là phù hợp pháp luật.

[4]. Về chi phí thẩm định: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ Ngân hàng Thương mại cổ phần Á tạm ứng; do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ Điều 58 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc vợ chồng ông S, bà B phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền trên.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.612.227đ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á không phải chịu án phí nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự, các Điều 8, 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 6 nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á.

Buộc vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á các khoản tiền còn nợ: Nợ gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn 30.044.425đ, lãi quá hạn 214.448.445đ và tiền phạt chậm trả lãi 20.812.810đ; tổng cộng các khoản **765.305.680đ** *(Bảy trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm lẻ năm ngàn sáu trăm tám mươi đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2025), vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số PHR.BĐCN.151.130618 ngày 13/6/2018 được bổ sung, sửa đổi số PHR.BĐCN.151.130618/SĐBS-01 ngày 11/12/2019 và bổ sung, sửa đổi số PHR.BĐCN.151.130618/SĐBS-02 ngày 04/5/2022 đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 526 tờ bản đồ địa chính số 28c, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN372912 ngày 07/02/2013 đứng tên ông Đặng L, đã cập nhật chỉnh lý cho ông Đặng Kim S và tài sản gắn liền trên đất, để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Buộc vợ chồng ông Đặng L, bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ giao trả lại tài sản thế chấp là thửa đất số 526 tờ bản đồ địa chính số 28c và tài sản găn liền đất cho ông S, bà B để thi hành án.

3. Về chi phí giám định: Buộc vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á 2.000.000đ chi phí định giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đã tạm ứng.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Đặng Kim S, bà Nguyễn Thị B phải chịu **34.612.227đ** *(Ba mươi bốn triệu sáu trăm mười hai ngàn hai trăm hai mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền **15.606.000đ** *(Mười lăm triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004818 ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án khu vực 8 – Khánh Hòa).

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/7/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 – Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 8 – Khánh Hòa;
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thức